TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2024/QĐST- HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Vũ Hoàng L, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số 38, đường D4, Khu phố 12, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số 38, đường D4, , Khu phố 12, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 30/3/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Vũ Hoàng Lvà bà Nguyễn Thị Thuỳ T có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 07/02/2022. Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T thống nhất giao con chung là cháu

Vũ Minh Q cho bà Nguyễn Thị Thuỳ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Hoàng L không cấp dưỡng nuôi con chung và bà Nguyễn Thị Thuỳ T không yêu cầu ông Vũ Hoàng L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 08/01/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 30/3/2020 do Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thuỳ T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 07/02/2022.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Thuỳ T mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000658 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Huỳnh Minh Trí